

LỊCH THI HỌC KỲ 1 NĂM 2025-2026 (TRUNG KÍNH)
(05/12/2025)

Thứ	Ngày	Tiết/Giờ	Lớp	Khoa/TT	Môn Thi	SL	Phòng	Ghi chú	
		7h30-9h00	523Anh1	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	28	301		Đọc viết, nghe(TL)
			523Anh1	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	19	302		Đọc viết, nghe(TL)
			523Anh2	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	34	307		Đọc viết, nghe(TL)
			523Anh3	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	36	511		Đọc viết, nghe(TL)
			523Anh5	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	34	308		Đọc viết, nghe(TL)
			523Trung1	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	31	305		Nghe đọc, viết(TL)
			523Trung1	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	13	313		Nghe đọc, viết(TL)
			523Trung5	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	21			Nghe đọc, viết(TL)
			523Trung2	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	31	306		Nghe đọc, viết(TL)
			523Trung3	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	33	315		Nghe đọc, viết(TL)
			523Trung4	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	25	317		Nghe đọc, viết(TL)
		7h30	524401A	Kinh tế	Quản trị học	34	405		V
			524401A	Kinh tế	Quản trị học	34	406		V
			524401B	Kinh tế	Quản trị học	35	407		V
			524401B	Kinh tế	Quản trị học	36	408		V
			524401C	Kinh tế	Quản trị học	35	409		V
			524401C	Kinh tế	Quản trị học	34	505		V
			524403A	Kinh tế	Quản trị học	37	503		V
			524403A	Kinh tế	Quản trị học	37	507		V
			524403B	Kinh tế	Quản trị học	35	411		V
			524403B	Kinh tế	Quản trị học	36	413		V
		Từ 9h15	523Anh1	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	28	301		Vấn đáp
			523Anh1	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	19	302		Vấn đáp
			523Anh2	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	34	307		Vấn đáp
			523Anh3	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	36	511		Vấn đáp
			523Anh5	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	34	308		Vấn đáp
			523Trung1	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	31	305		Vấn đáp
			523Trung1	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	13	313		Vấn đáp
			523Trung5	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	21			Vấn đáp

2	8/12/25		523Trung2	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	31	306		Vấn đáp	
			523Trung3	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	33	315		Vấn đáp	
			523Trung4	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Trung	25	317		Vấn đáp	
		9h30	524411A	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	34	503		V	
			524411A	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	35	507		V	
			524411B	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	26	505		V	
			524411B	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	26	405		V	
			524411B	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	26	406		V	
			524402A	Kinh tế	Thống kê ứng dụng	33	407		V	
			524402A	Kinh tế	Thống kê ứng dụng	34	411		V	
			524402B	Kinh tế	Thống kê ứng dụng	32	413		V	
			524402B	Kinh tế	Thống kê ứng dụng	35	408		V	
			524402C	Kinh tế	Thống kê ứng dụng	34	409		V	
		12h30-14h00	523Anh6	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	35	507		Đọc viết, nghe(TL)	
			523Anh7	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	36	607		Đọc viết, nghe(TL)	
			523Anh8	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	21	305		Đọc viết, nghe(TL)	
			523Anh11	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	23	306		Đọc viết, nghe(TL)	
			523Anh9	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	23	307		Đọc viết, nghe(TL)	
		13h00	524412A	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	30	315		V	
			524412A	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	32	504		V	
			524412B	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	28	411		V	
			524412B	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	29	413		V	
			524412C	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	28	405		V	
			524412C	Kinh tế	Quản trị doanh nghiệp	28	407		V	
			522402B	Kinh tế	Đặc trưng văn hóa các dân tộc Việt Nam	14	408		V	
			523402C	Kinh tế	Thực hành HDDL theo tour (HP2)	21			BTL	
			523403	Kinh tế	Nghiệp vụ văn phòng	39	409		V	
		Từ 14h15	523Anh6	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	35	507		Vấn đáp	
			523Anh7	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	36	607		Vấn đáp	
			523Anh8	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	21	305		Vấn đáp	
			523Anh11	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	23	306		Vấn đáp	
			523Anh9	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	23	307		Vấn đáp	
			523Anh10	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	26	305		Đọc viết, nghe(TL)	

7h30-9h00	523Anh12	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	30	306		Đọc viết, nghe(TL)	
	523Anh13	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	36	507		Đọc viết, nghe(TL)	
	523Anh 14	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	37	606		Đọc viết, nghe(TL)	
	523Anh 15+Anh4	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	43	503		Đọc viết, nghe(TL)	
7h30	522401A	Kinh tế	Nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp	35	PM603		PM	
	522411A	Kinh tế	Kiểm toán nội bộ ngân hàng	33	PM601		TN	
	522411A	Kinh tế	Kiểm toán nội bộ ngân hàng	34	PM602		TN	
	522412A	Kinh tế	Kiểm toán nghiệp vụ	32	408		V	
	522412A	Kinh tế	Kiểm toán nghiệp vụ	32	409		V	
	522412B	Kinh tế	Kiểm toán nghiệp vụ	34	411		V	
	522412B	Kinh tế	Kiểm toán nghiệp vụ	33	413		V	
7h30-8h30	523 Nhật	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Nhật	23	301		Nghe đọc viết(TL)	
	523 Hàn2	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Hàn	30	315		Nghe đọc viết(TL)	
	523 Hàn2	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Hàn	21	317		Nghe đọc viết(TL)	
8h45	523 Hàn2	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Hàn	51	315		Vấn đáp	
	523 Nhật	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Nhật	23	301		Vấn đáp	
Từ 9h15	523Anh10	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	26	305		Vấn đáp	
	523Anh12	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	30	306		Vấn đáp	
	523Anh13	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	36	507		Vấn đáp	
	523Anh 14	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	37	606		Vấn đáp	
	523Anh 15+An	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Anh	43	503		Vấn đáp	
9h30	522401A	Kinh tế	Nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp	36	PM603		PM	
	522411B	Kinh tế	Kiểm toán nội bộ ngân hàng	34	PM601		TN	
	522411B	Kinh tế	Kiểm toán nội bộ ngân hàng	34	PM602		TN	
	522403	Kinh tế	Bảo hiểm	28	408		V	
	522403	Kinh tế	Bảo hiểm	29	409		V	
	522402A	Kinh tế	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	29	411		V	
	522402A	Kinh tế	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	28	413	4/7	V	
12h30-13h30	523 Hàn1	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Hàn	34	308		Nghe đọc viết(TL)	
13h00	522401B	Kinh tế	Nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp	30	PM603		PM	
	523411A	Kinh tế	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	32	407		V	
	523411A	Kinh tế	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	33	408		V	
	523411A	Kinh tế	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	33	409		V	
	523411B	Kinh tế	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	28	406		V	

4	10/12/25			523411B	Kinh tế	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	29	411		V	
				523411B	Kinh tế	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	29	413		V	
			Từ 13h45	523 Hàn1	NN	Ngoại ngữ 2 - HP3-Hàn	34	308		Vấn đáp	
			15h00'	HL lớp 1	Kinh tế	Toán cao cấp	28	407		V	
				HL lớp 1	Kinh tế	Toán cao cấp	28	408		V	
				HL lớp 2	Kinh tế	Toán cao cấp	24	409		V	
				HL lớp 2	Kinh tế	Toán cao cấp	24	411		V	
				HL lớp 2	Kinh tế	Toán cao cấp	24	413		V	
				522401B	Kinh tế	Nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp	30	PM603		PM	
			7h30-8h30	524701a1	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	31	305		Tự luận	
				524701a2	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	30	306		Tự luận	
				524701b1	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	28	312		Tự luận	
				524701b2	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	25	317		Tự luận	
				524701b3	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	32	307		Tự luận	
				524705a1	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	27	308		Tự luận	
			7h30	524401A	Kinh tế	Marketing căn bản	37	408		V	
				524401A	Kinh tế	Marketing căn bản	38	409		V	
				524401B	Kinh tế	Marketing căn bản	35	405		V	
				524401B	Kinh tế	Marketing căn bản	34	406		V	
				524401C	Kinh tế	Marketing căn bản	35	315		V	
				524401C	Kinh tế	Marketing căn bản	34	505		V	
				524403A	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	37	507		V	
				524403A	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	37	411		V	
				524403B	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	34	413		V	
				524403B	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	35	407		V	
			9h00-10h00	524705a2	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	29	312		Tự luận	
				524705b1	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	29	317		Tự luận	
				524704A1	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	35	307		Tự luận	
				524704A2	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	37	308		Tự luận	
				524704A3	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	30	305		Tự luận	
				524704A4	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	34	306		Tự luận	
				524411A	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	24	405		V	
				524411A	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	24	406		V	

		9h30	524411B	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	36	408		V	
			524411B	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	36	409		V	
			524412A	Kinh tế	Pháp luật và chuẩn mực kế toán	30	507		V	
			524412A	Kinh tế	Pháp luật và chuẩn mực kế toán	30	407		V	
			524412B	Kinh tế	Pháp luật và chuẩn mực kế toán	28	411		V	
			524412B	Kinh tế	Pháp luật và chuẩn mực kế toán	29	413		V	
			524412C	Kinh tế	Pháp luật và chuẩn mực kế toán	26	315		V	
			524412C	Kinh tế	Pháp luật và chuẩn mực kế toán	26	505		V	
		10h30-11h30	524704B1	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	25	312		Tự luận	
			524704B2	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	31	317		Tự luận	
			524704B3	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	36	307		Tự luận	
			524704B4	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	37	308		Tự luận	
			524704B5	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	35	305		Tự luận	
			524704B6	NN	Dẫn luận ngôn ngữ	35	306		Tự luận	
		13h00	524402A	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	28	407		V	
			524402A	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	27	411		V	
			524402B	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	32	413		V	
			524402B	Kinh tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học	32	408		V	
			524402C	Kinh tế	Kỹ năng thuyết trình và đàm phán	35	409		V	
		7h30-8h30	523704a1	NN	Kỹ năng nghe nhìn	35	507		Tự luận	
			523704a2	NN	Kỹ năng nghe nhìn	35	409		Tự luận	
			523704a3	NN	Kỹ năng nghe nhìn	34	307		Tự luận	
			523704a4	NN	Kỹ năng nghe nhìn	30	305		Tự luận	
			523704a5	NN	Kỹ năng nghe nhìn	31	306		Tự luận	
			523704a6	NN	Kỹ năng nghe nhìn	33	308		Tự luận	
			523704a7	NN	Kỹ năng nghe nhìn	33	313		Tự luận	
		7h30	523401A	Kinh tế	Phân tích hoạt động kinh doanh	26	405		V	
			523401A	Kinh tế	Phân tích hoạt động kinh doanh	27	406		V	
			523401A	Kinh tế	Phân tích hoạt động kinh doanh	27	407		V	
			523401B	Kinh tế	Phân tích hoạt động kinh doanh	27	408		V	
			523401B	Kinh tế	Phân tích hoạt động kinh doanh	27	411		V	
			523401B	Kinh tế	Phân tích hoạt động kinh doanh	28	413		V	
			523412A	Kinh tế	Thẩm định dự án đầu tư	40	PM601		PM	
			523412A	Kinh tế	Thẩm định dự án đầu tư	40	PM602		PM	

5	11/12/25	9h00-10h00	523704a8	NN	Kỹ năng nghe nhìn	33	307		Tự luận	
			523704b1	NN	Kỹ năng nghe nhìn	35	409		Tự luận	
			523704b2	NN	Kỹ năng nghe nhìn	37	507		Tự luận	
			523704b3	NN	Kỹ năng nghe nhìn	34	305		Tự luận	
			523704b4	NN	Kỹ năng nghe nhìn	27	306		Tự luận	
			523704b5	NN	Kỹ năng nghe nhìn	33	308		Tự luận	
			523704b6	NN	Kỹ năng nghe nhìn	35	313		Tự luận	
		9h30	523402A	Kinh tế	Tâm lý và giao tiếp trong kinh doanh	27	407		V	
			523402A	Kinh tế	Tâm lý và giao tiếp trong kinh doanh	28	408		V	
			523402B	Kinh tế	Tâm lý và giao tiếp trong kinh doanh	23	411		V	
			523402B	Kinh tế	Tâm lý và giao tiếp trong kinh doanh	23	413		V	
			523402C	Kinh tế	Tâm lý và giao tiếp trong kinh doanh	21	406		V	
			523412B	Kinh tế	Thẩm định dự án đầu tư	40	PM601		PM	
			523412B	Kinh tế	Thẩm định dự án đầu tư	39	PM602		PM	
		10H30	523701a1	NN	Lý thuyết dịch	31	308		Tự luận	
			523701a2	NN	Lý thuyết dịch	34	313		Tự luận	
			523701b1	NN	Lý thuyết dịch	26	305		Tự luận	
			523701b2	NN	Lý thuyết dịch	31	307		Tự luận	
			523701b3	NN	Lý thuyết dịch	25	306		Tự luận	
		10H30-11H30	523705a1	NN	Kỹ năng đọc 5	38	507		Tự luận	
			523705a2	NN	Kỹ năng đọc 5	37	409		Tự luận	
			523705b1	NN	Kỹ năng đọc 5	32	315		Tự luận	
		13h00	522402A	Kinh tế	Pháp luật trong kinh doanh DL	35	408		V	
			522402A	Kinh tế	Pháp luật trong kinh doanh DL	24	409		V	
			522402B	Kinh tế	Pháp luật trong kinh doanh DL	14			V	
			522403	Kinh tế	Nghiệp vụ văn phòng	28	411		V	
			522403	Kinh tế	Nghiệp vụ văn phòng	28	413	5/7	V	
		7h30-8h30	524705a1	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	28	305		Tự luận	
			524705a2	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	29	306		Tự luận	
			524705b1	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	31	511		Tự luận	
			524701a1	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	31	307		Tự luận	
			524701a2	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	31	308		Tự luận	
			524701b1	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	29	315		Tự luận	
			524401A	Kinh tế	Kinh tế lượng	32	405		V	

7h30	524401A	Kinh tế	Kinh tế lượng	32	406		V	
	524401A	Kinh tế	Kinh tế lượng	32	407		V	
	524401B	Kinh tế	Kinh tế lượng	27	411		V	
	524401B	Kinh tế	Kinh tế lượng	28	413		V	
	524401B	Kinh tế	Kinh tế lượng	28	505		V	
	524401C	Kinh tế	Kinh tế lượng	36	507		V	
	524401C	Kinh tế	Kinh tế lượng	37	408		V	
	524401C	Kinh tế	Kinh tế lượng	37	409		V	
9h00-10h00	524701b2	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	25	305		Tự luận	
	524701b3	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	34	306		Tự luận	
	524704A1	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	34	307		Tự luận	
	524704A2	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	37	511		Tự luận	
	524704A3	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	30	308		Tự luận	
	524704A4	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	34	315		Tự luận	
9h30	524411A	Kinh tế	Kinh tế lượng	27	405		V	
	524411A	Kinh tế	Kinh tế lượng	27	406		V	
	524411A	Kinh tế	Kinh tế lượng	28	407		V	
	524411B	Kinh tế	Kinh tế lượng	25	411		V	
	524411B	Kinh tế	Kinh tế lượng	26	413		V	
	524411B	Kinh tế	Kinh tế lượng	26	505		V	
	524412C	Kinh tế	Kinh tế lượng	29	507		V	
	524412C	Kinh tế	Kinh tế lượng	29	408		V	
10h30-11h30	524412C	Kinh tế	Kinh tế lượng	30	409		V	
	524704B1	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	31	305		Tự luận	
	524704B2	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	31	306		Tự luận	
	524704B3	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	36	307		Tự luận	
	524704B4	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	37	511		Tự luận	
	524704B5	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	35	308		Tự luận	
13h00	524704B6	NN	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	32	315		Tự luận	
	524403A	Kinh tế	Xã hội học	41	PM601		TN	
	524403A	Kinh tế	Xã hội học	42	PM602		TN	
	524402A	Kinh tế	Xã hội học	30	PM604		TN	
	524412A	Kinh tế	Kinh tế lượng	25	405		V	
	524412A	Kinh tế	Kinh tế lượng	25	407		V	

			524412A	Kinh tế	Kinh tế lượng	26	411		V	
			524412B	Kinh tế	Kinh tế lượng	37	409		V	
			524412B	Kinh tế	Kinh tế lượng	37	408		V	
			524412B	Kinh tế	Kinh tế lượng	37	413		V	
		14h15	524402A	Kinh tế	Xã hội học	30	PM604		TN	
			524403B	Kinh tế	Xã hội học	37	PM601		TN	
			524403B	Kinh tế	Xã hội học	38	PM602		TN	
		15h30	524402B	Kinh tế	Xã hội học	30	PM604		TN	
			524402B	Kinh tế	Xã hội học	33	PM601		TN	
			524402C	Kinh tế	Xã hội học	39	PM602		TN	